FireAnt

CTCP Sonadezi Châu Đức (HSX: SZC)

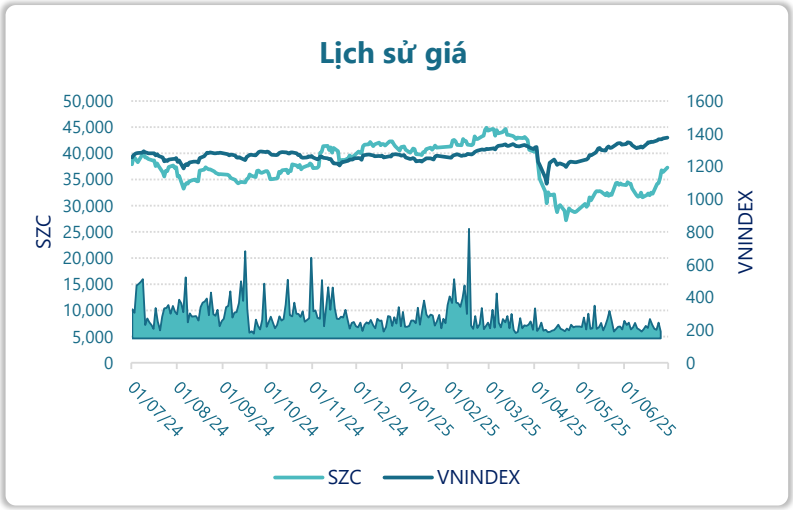

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,904
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,215
SL cổ phiếu LH	179,985,863
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,421,950
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,902
P/E	19.4
EPS	1,978

DT thuần

Q2/25

218

tỷ VNĐ

QoQ: ▼196| -47.4%

YoY: ▼44.0| -16.9%

LN sau thuế

Q2/25

94.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼31.1| -24.7%

YoY: ▼7.10| -6.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

57.7%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

6T 2025

632

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 156| 32.7%

LN sau thuế

6T 2025

221

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 54.0| 32.3%

ROE

Q2/25

11.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

Kết quả kinh doanh

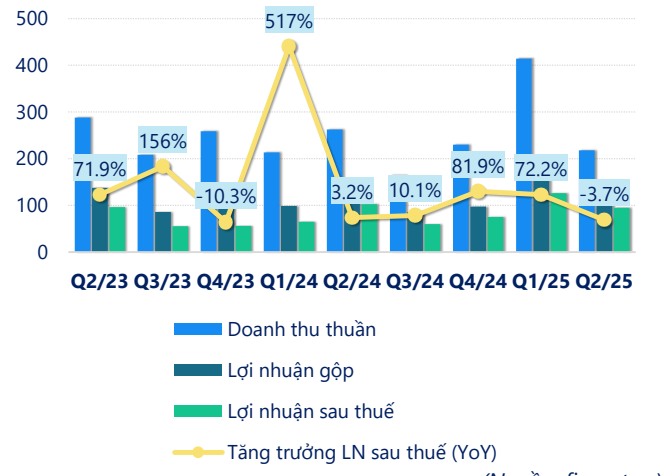

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

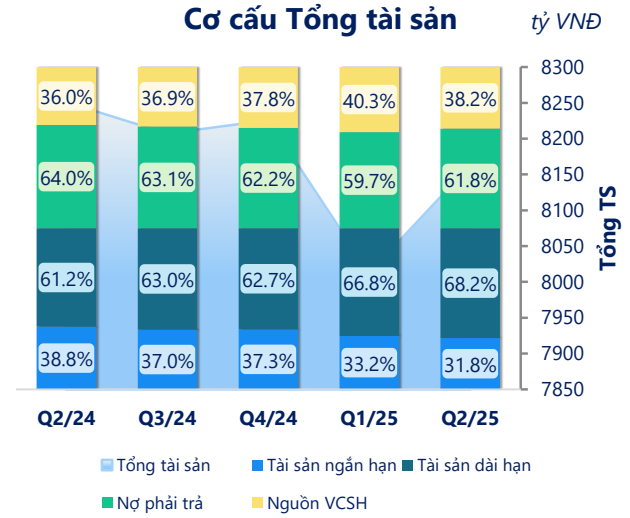

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

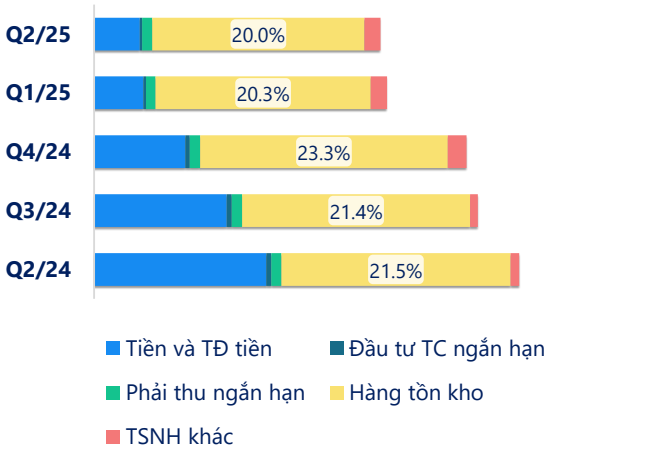

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

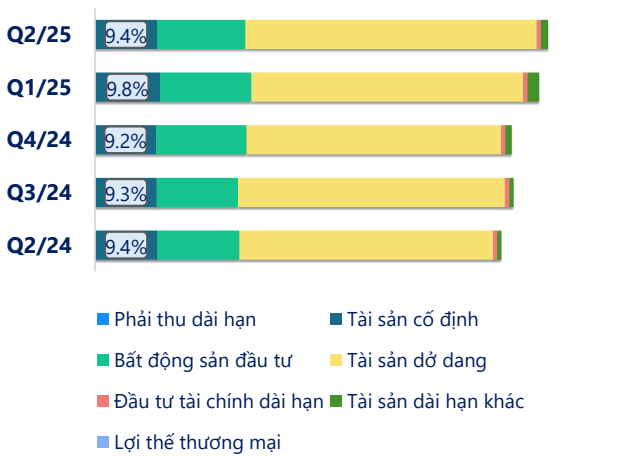

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

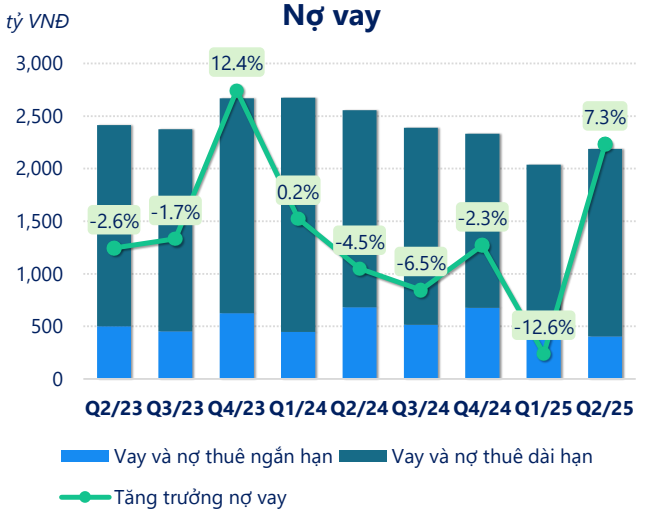

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

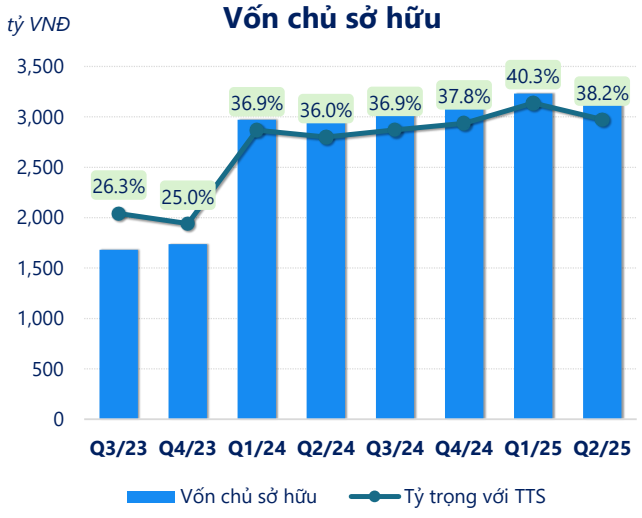

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

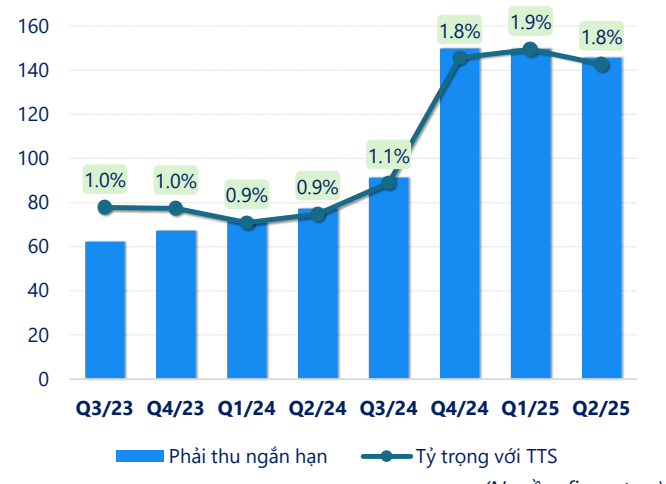

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

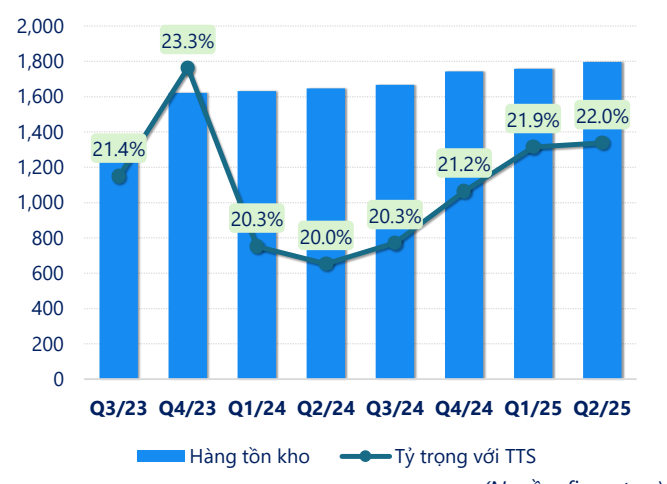

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

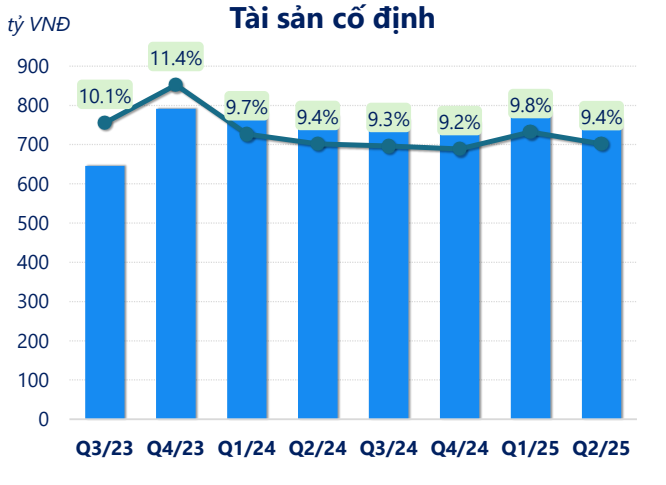

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

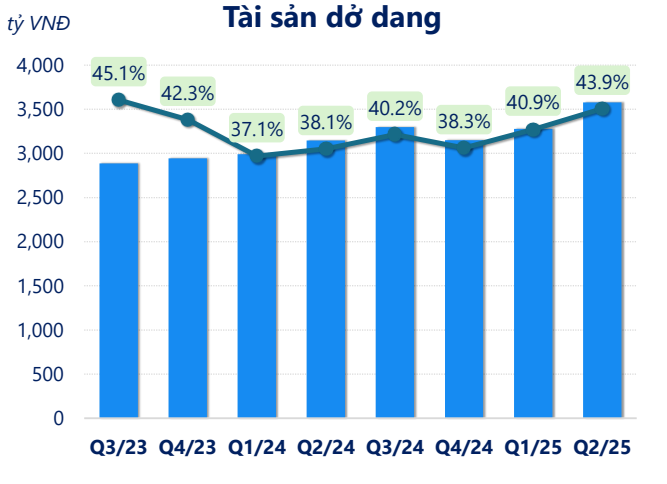

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

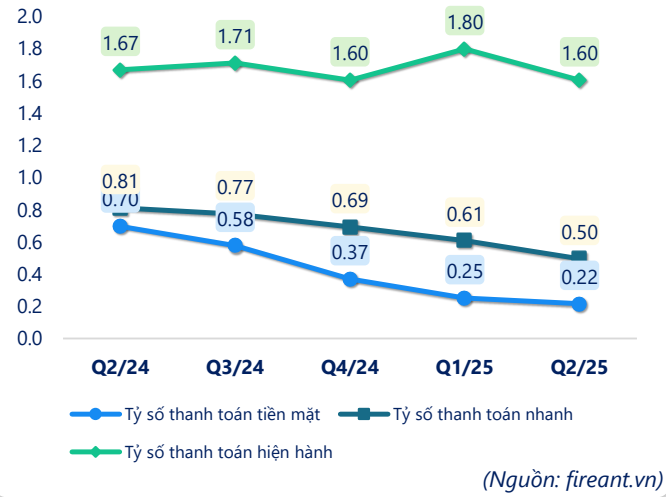

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

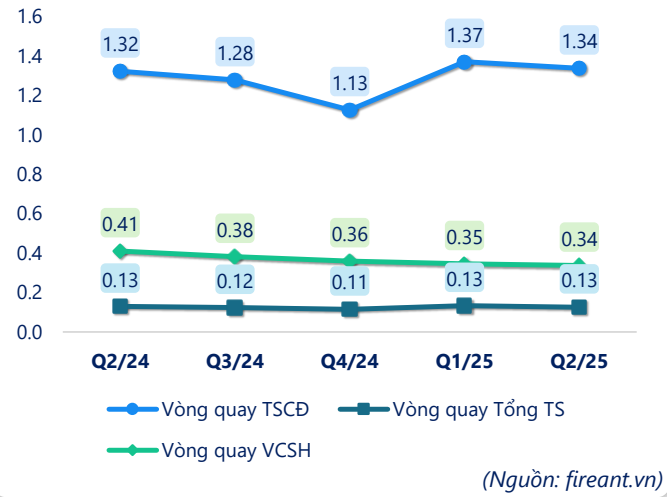

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**8,251**	**8,207**	**8,226**	**8,012**	**8,163**
Tài sản ngắn hạn	**3,205**	**3,040**	**3,067**	**2,658**	**2,599**
Tiền và tương đương tiền	1,337	1,024	705	371	350
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	132	335	315	135
Phải thu ngắn hạn	77.2	91.3	150	150	146
Hàng tồn kho	1,647	1,667	1,743	1,758	1,797
Tài sản ngắn hạn khác	124	125	134	63.5	172
Tài sản dài hạn	**5,046**	**5,167**	**5,159**	**5,355**	**5,564**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.32	0.32	0.39
Tài sản cố định	772	763	756	782	764
Bất động sản đầu tư	1,020	1,003	1,120	1,101	1,082
Tài sản dở dang	3,147	3,297	3,148	3,276	3,579
Đầu tư tài chính dài hạn	52.8	52.8	52.8	52.8	52.8
Tài sản dài hạn khác	53.2	51.6	82.1	142	85.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,280**	**5,177**	**5,120**	**4,781**	**5,042**
Nợ ngắn hạn	**1,920**	**1,777**	**1,912**	**1,478**	**1,620**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	682	515	676	382	404
Phải trả người bán ngắn hạn	163	169	180	272	218
Nợ dài hạn	3,360	3,400	3,209	3,303	3,422
Vay và nợ thuê dài hạn	1,872	1,872	1,657	1,657	1,783
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,971**	**3,030**	**3,105**	**3,232**	**3,121**
Vốn chủ sở hữu	**2,971**	**3,030**	**3,105**	**3,232**	**3,121**
Vốn điều lệ	1,800	1,800	1,800	1,800	1,800
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)